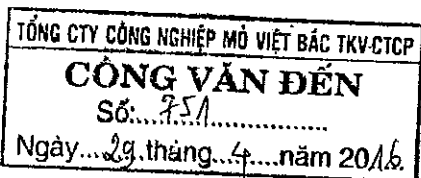


Số: **1939** /TKV-TCNS
V/v giảm giá bán cổ phần để tiếp tục
thoái vốn tại Công ty liên kết

Hà Nội, ngày **29** tháng **4** năm **2016**

BẢN SAO



Kính gửi: Người đại diện phần vốn của TKV
tại Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-TKV

Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (TKV) nhận được Tờ trình số 77/CMV-HĐQT ngày 6/4/2016 của Người đại diện phần vốn báo cáo và đề nghị TKV phê duyệt phương án giảm giá bán cổ phần để tiếp tục thực hiện thoái vốn tại 2 Công ty liên kết của Tổng công ty.

Thực hiện Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐTV ngày 26/4/2016 của Hội đồng thành viên, Tập đoàn có ý kiến như sau:

Thông qua chủ trương để Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP thực hiện bán đấu giá lần 02 để thoái vốn tại 02 Công ty liên kết theo hình thức giảm giá 10% so với giá khởi điểm của cuộc đấu giá lần 01, cụ thể như sau:

- Công ty CP Đầu tư công nghiệp Hà Nội: Giá bán khởi điểm lần 02 là 9.090đ/cổ phần.

- Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn-Hà Nội: Giá bán khởi điểm lần 02 là 9.180đ/cổ phần.

Người đại diện phần vốn của TKV tại Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP chịu trách chỉ đạo Tổng công ty tổ chức thực hiện thoái vốn theo đúng quy định của pháp luật đảm bảo kế hoạch thoái vốn đã được phê duyệt, và báo cáo TKV kết quả thực hiện. *ML*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban QLV, KSNB (e-copy);
- KTT (e-copy);
- Ban KT (e-copy);
- Lưu VT, TCNS (T)

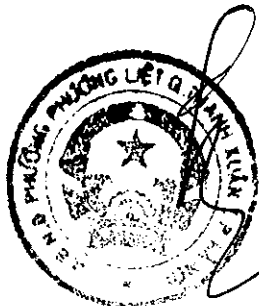
CHUNG THỰC BẢN SAO DỰNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực..... 4884..... Quyền số..... 03.....

Ngày: 07-05-2016

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Lê Minh Chuẩn



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Liên Hương

Số: 0 1 0 3/NQ - HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua ngày 28/8/2015;

Căn cứ vào công văn số 1939/TKV – TCNS ngày 29/4/2016 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc giảm giá bán cổ phần để tiếp tục thoái vốn tại Công ty liên kết;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị Tổng công ty ngày 4/5/2016,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thống nhất triển khai đấu giá lần 2 thoái vốn tại Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội và Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Hà Nội theo chỉ đạo của TKV:

- Giá bán khởi điểm lần 2 để thoái vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Hà Nội là: 9 090đ/cổ phần.

- Giá bán khởi điểm lần 2 để thoái vốn tại Quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội là: 9 180đ/cổ phần.

Giao cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện.

Điều 2: Tổng giám đốc và Kế toán trưởng và các phòng liên quan của Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này./)

Nơi nhận:

- Như điều 2 (eOffice);
- Thành viên HĐQT, Ban KS (eOffice);
- Phòng TCCB, KTTKTC, KTKH(eOffice);
- Lưu: VT, KTTKTC, HĐQT (T.03).



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Quang Bình

Số: **0 7 1 6/QĐ-CMV**

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chào bán cổ phần lần 02 tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ
Đầu tư Sài Gòn – Hà Nội

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV – CTCP (Tổng công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông lần đầu Tổng Công ty thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2015.

Căn cứ Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính Phủ quyết định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-TKV ngày 05/03/2014 của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – Vinacomin đến năm 2015, tầm nhìn năm 2020;

Căn cứ Công văn số 5591/TKV-TCNS ngày 11/11/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;


Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0045/NQ-HĐQT ngày 17/11/2015 của Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV – CTCP;

QUYẾT ĐỊNH:



Điều 1. Tiếp tục thực hiện chào bán đấu giá lần 2 để thoái vốn tại Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội cụ thể như sau:

- Tên cổ phần: Cổ phần Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số cổ phần chào bán: 300.000 cổ phần (tương đương với giá trị là ba tỷ đồng tính theo mệnh giá).

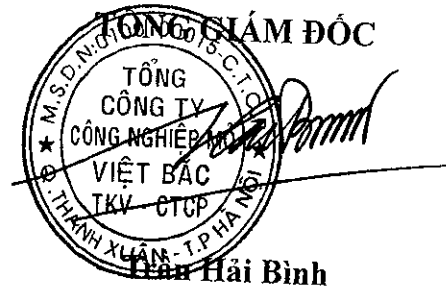
- Phương thức chào bán: Đấu giá cổ phần công khai tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Giá khởi điểm đấu giá: 9.180 đồng/cổ phần (điều chỉnh giảm 10% giá khởi điểm của cuộc đấu giá lần đầu).

Điều 2. Các Ông Kế toán trưởng, trưởng phòng Kinh tế kế hoạch, Tổ chức cán bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như điều 2; 
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Các PTGD 
- Lưu VP, KTTKTC







CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Hà Nội, tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lê	Ủy viên
Bà Đinh Thị Tiểu Phương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Minh Hoàng	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

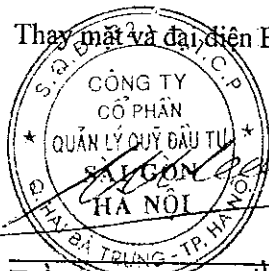
Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Minh Hoàng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Số: 61/2016/AVI-BCKT-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/03/2016 và được trình bày từ trang số 06 đến trang số 26 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá Đầu tư tài chính ngắn hạn đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết do tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty không đủ căn cứ để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết, với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính là 15.484 triệu đồng. Mặc dù đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá xem liệu các khoản đầu tư nói trên có dấu hiệu tổn thất hay không. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được tính đầy đủ của khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 và các ảnh hưởng có liên quan đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 - Nợ xấu, trong năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã tiến hành đánh giá và phân loại các khoản nợ quá hạn (nợ xấu), và đã xác định mức tổn thất cần trích lập dự phòng là từ 50% đến 100% số dư nợ phải thu khó đòi và đã phản ánh vào kết quả kinh doanh năm 2015 với số tiền 12,6 tỷ đồng. Theo đó kết quả kinh doanh năm 2015 đã giảm xuống với số tiền tương ứng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 04 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, hoạt động kinh doanh năm 2015 của Công ty tiếp tục gặp khó khăn, thể hiện: Doanh thu năm 2015 chỉ đạt khoảng 599 triệu đồng, kết quả kinh doanh của Công ty lỗ 20,782 tỷ đồng. Lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2015 khoảng 27,306 tỷ đồng; dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh năm 2015 âm 4,434 tỷ đồng. Việc cải thiện tình hình tài chính của Công ty sẽ phụ thuộc vào khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo cũng như tình hình thu hồi kịp thời các khoản công nợ phải thu và các sự hỗ trợ khác của chủ sở hữu (nếu có).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư các Chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán không bao gồm số liệu của các Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư đã tắt toán tại ngày 31/12/2014 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính kèm theo, Nhà đầu tư ủy thác và Công ty chưa ký Biên bản thanh lý hợp đồng quản lý danh mục đầu tư.

Vấn đề khác

Tại Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính năm 2014 với số tiền ước tính khoảng 1,738 tỷ đồng. Trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Công ty đã trích lập bổ sung giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên.



Nguyễn Thương

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
0308-2015-055-1

Ngô Việt Thanh

Kiểm toán viên

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán 1687-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01 - CTQ

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.131.458.984	39.895.486.163
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	16.468.302.443	4.367.130.521
1. Tiền	111		10.468.302.443	4.367.130.521
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	15.421.389.128	12.849.298.938
1. Đầu tư ngắn hạn	121		15.486.389.128	13.051.032.883
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(65.000.000)	(201.733.945)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.116.970.439	22.581.318.318
1. Phải thu của khách hàng	131		90.243.557	49.066.328
2. Trả trước cho người bán	132		15.210.984	10.286.841
3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	7	5.352.058.237	5.338.301.292
4. Các khoản phải thu khác	135	8	17.315.925.841	17.229.808.178
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(12.656.468.180)	(46.144.321)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		124.796.974	97.738.386
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	124.796.974	97.738.386
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		365.766.107	23.814.083.931
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		122.850.000	122.850.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		122.850.000	122.850.000
II. Tài sản cố định	220		224.562.583	314.387.614
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	224.562.583	314.387.614
- Nguyên giá	222		1.090.985.699	1.090.985.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(866.423.116)	(776.598.085)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		106.920.000	106.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(106.920.000)	(106.920.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	23.292.775.563
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	24.707.892.748
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	(1.415.117.185)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		18.353.524	84.070.754
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	18.353.524	84.070.754
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		42.497.225.091	63.709.570.094

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B01 - CTQ
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		780.996.920	1.211.010.870
I. Nợ ngắn hạn	310		780.996.920	1.211.010.870
1. Phải trả cho người bán	312		38.147.724	38.004.898
2. Phải trả người lao động	315		560.000.000	-
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	189.368.515	1.179.525.291
4. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(6.519.319)	(6.519.319)
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.716.228.171	62.498.559.224
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.021.927.110	9.021.927.110
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(27.305.698.939)	(6.523.367.886)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		42.497.225.091	63.709.570.094

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		2.480.000	20.576.670.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		2.480.000	20.576.670.000
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		9.898.000.000	9.898.000.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	23	163.847.991	4.044.287.498
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		163.847.991	4.044.287.498
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	24	40.790.544.500	150.190.247.674
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		40.790.544.500	150.190.247.674
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		110.873.855	36.879.643.260
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		234.049.052	11.589.912.379

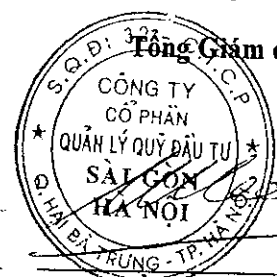
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Người lập

Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh



Tổng Giám đốc

Trần Minh Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B02- CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu	01	15	598.655.558	2.156.087.518
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		598.655.558	2.156.087.518
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	16	1.155.428.101	1.245.923.964
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(556.772.543)	910.163.554
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	456.655.001	4.594.851.776
7. Chi phí tài chính	22	18	3.162.104.738	1.293.427.455
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	17.520.114.852	4.902.000.623
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(20.782.337.132)	(690.412.748)
10. Thu nhập khác	31		6.079	15.245.553
11. Chi phí khác	32		-	506.998
12. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác	40		6.079	14.738.555
13. Tổng lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế	50		(20.782.331.053)	(675.674.193)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(20.782.331.053)	(675.674.193)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	(3.464)	(113)

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Người lập



Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính



Nguyễn Diệu Trinh



Trần Minh Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B03 - CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01	7.775.917.065	12.399.732.677
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(6.718.802.652)	(12.881.366.034)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.941.927.933)	(4.643.417.224)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	52.175.531.914	126.255.833.500
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(53.724.431.270)	(126.904.189.220)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(4.433.712.876)</i>	<i>(5.773.406.301)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	16.430.355.299	7.895.588.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	104.529.499	698.302.750
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>16.534.884.798</i>	<i>8.593.890.750</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	12.101.171.922	2.820.484.449
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.367.130.521	1.546.646.072
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	16.468.302.443	4.367.130.521

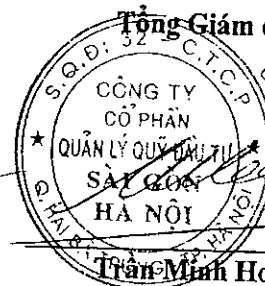
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Người lập

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc





Lại Thị Tuyết

Nguyễn Diệu Trinh

Trần Minh Hoàng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B05 - CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
			Năm trước		Năm nay			
	Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	8.951.343.840	9.021.927.110	-	-	-	-	8.951.343.840	9.021.927.110
3. Quỹ dự phòng tài chính	70.583.270	-	-	-	-	-	70.583.270	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	(5.847.693.693)	(6.523.367.886)	-	675.674.193	-	20.782.331.053	(6.523.367.886)	(27.305.698.939)
Cộng	63.174.233.417	62.498.559.224	-	675.674.193	-	20.782.331.053	62.498.559.224	41.716.228.171

Người lập

Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc

Trần Minh Hoàng

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép số 32/UBCK-GP ngày 24/4/2008 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK ngày 28/11/2012. Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đ/cổ phần.

Danh sách các cổ đông của Công ty chi tiết như sau:

Tên cổ đông	Số lượng CP	Giá trị	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	624.000	6.240.000.000	10,4%
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	732.000	7.320.000.000	12,2%
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam	480.000	4.800.000.000	8,0%
Công ty TNHH Quốc tế Sao Đỏ	420.000	4.200.000.000	7,0%
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin	300.000	3.000.000.000	5,0%
Các cổ đông khác	3.444.000	34.440.000.000	57,4%
Tổng cộng	6.000.000	60.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 7, Tòa nhà 165 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 13 người (31/12/2014 là 16 người) trong đó có 7 người có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.

Ngành nghề kinh doanh: Quản lý quỹ đầu tư, Quản lý danh mục đầu tư và Tư vấn đầu tư

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 ("Thông tư 125") của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Thông tư số 125 có quy định, các nội dung không được hướng dẫn trong Thông tư 125, công ty quản lý quỹ được thực hiện theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực kế toán, Thông tư hướng dẫn sửa đổi chế độ kế toán doanh nghiệp. Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tiền gửi của người ủy thác đầu tư được theo dõi và hạch toán riêng biệt ở tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán.

Các khoản phải thu bao gồm phải thu lãi hoạt động đầu tư, phải thu phí quản lý danh mục đầu tư.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6/10/2014 của Bộ tài chính về “Hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ”. Theo đó, giá thực tế trên thị trường của chứng khoán được xác định làm cơ sở để trích lập dự phòng, cụ thể như sau:

- Giá thực tế trên thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định là giá đóng cửa đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thực tế trên thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết đang được giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) thì giá thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp tối thiểu bởi ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận vào tài khoản ngoài bảng các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị quản lý	03 - 04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư, phí thưởng hoạt động. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán là phần chênh lệch giữa giá bán và trị giá vốn của chứng khoán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng và theo thông báo của ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.



1
/

H
N
T
/

1
/

1
/

1
/

1
/

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	44.665.800	57.339.800
Tiền gửi ngân hàng	10.423.636.643	4.309.790.721
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	-
Tổng cộng	16.468.302.443	4.367.130.521

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN - HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - CTQ

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	990.048	15.486.389.128	913.908	13.051.032.883
Trong đó:				
Cổ phiếu niêm yết	248	1.421.788	121.908	1.656.232.883
SCR Cổ phiếu Công ty Cổ phần địa ốc Sài Gòn Thương Tín	248	1.421.788	248	1.421.788
SHS Cổ phiếu Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	-	-	60	767.812
ITC Cổ phiếu Công ty Cổ phần đầu tư và kinh doanh nhà Intresco	-	-	18.500	150.872.123
PET Cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí	-	-	11.000	244.065.550
PVS Cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	-	10.000	394.173.006
OGC Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	-	14.000	99.549.100
MCG Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	-	-	44.000	323.585.800
SVC Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	-	-	15.100	247.406.554
HAG Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	-	-	9.000	194.391.150
Cổ phiếu chưa niêm yết	989.800	15.484.967.340	792.000	11.394.800.000
PVO Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL	400.000	6.010.000.000	400.000	6.010.000.000
(Trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí VIDAMO)				
PFI Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính công đoàn dầu khí Việt Nam	392.000	5.384.800.000	392.000	5.384.800.000
PVSH Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng (*)	184.800	3.869.167.340	-	-
CIC8 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 8 (*)	13.000	221.000.000	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(65.000.000)		(201.733.945)
SHB Cổ phiếu Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	-	-	60	(131.812)
ITC Cổ phiếu Công ty Cổ phần Intresco	-	-	18.500	(12.122.123)
PET Cổ phiếu Tổng công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí	-	-	11.000	(16.365.550)
PVS Cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	-	10.000	(125.173.006)
OGC Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	-	14.000	(149.100)
MCG Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	-	-	44.000	(41.985.800)
SVC Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	-	-	15.100	(5.806.554)
CIC8 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 8	13.000	(65.000.000)	-	-
Tổng cộng		15.421.389.128		12.849.298.938

(*) Phân loại đầu tư tài chính dài hạn sang đầu tư tài chính ngắn hạn do Công ty đang tiến hành các bước để bán các khoản đầu tư.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty không đủ căn cứ để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết. Theo đó Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn đối với các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết.

Cổ phiếu Công ty Cổ phần dầu nhờn PV oil (PVO) chính thức giao dịch trên thị trường Upcom từ ngày 12/01/2016. Đến tháng 03/2016, cổ phiếu này mới phát sinh một số giao dịch với khối lượng nhỏ. Theo đó, Công ty không đủ cơ sở để xác định giá trị thị trường của Cổ phiếu này tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2015.

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.221.413.792	5.221.413.792
Phải thu đối tượng khác	130.644.445	116.887.500
Tổng cộng	5.352.058.237	5.338.301.292

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh (*)	13.364.900.000	13.364.900.000
Cổ tức được nhận	646.800	646.800
Công ty Cổ phần Nguyễn Quân (**)	3.728.200.000	3.728.200.000
Phải thu khác	130.930.841	68.012.047
Tạm ứng	91.248.200	68.049.331
Tổng cộng	17.315.925.841	17.229.808.178

(*) Phải thu Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh theo biên bản thanh lý 02 khoản đầu tư tài chính dài hạn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 02/10/2010 và Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 01/12/2010.

(**) Phải thu về số tiền Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Nguyễn Quân theo Hợp đồng mua 372.820 cổ phần của Công ty Cổ phần Bộ nhớ điện tử. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Nguyễn Quân chưa hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cổ phần cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN - HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - CTQ

9. NỢ XẤU

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng nợ phải thu khó đòi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng nợ phải thu khó đòi
	VND		VND	VND		VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.221.413.792	1.171.668.580	4.049.745.212	3.629.661.125	3.629.661.125	-
- Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	-	-	-	1.252.640.823	1.252.640.823	-
- Quá hạn từ 1 đến 2 năm	1.591.752.667	795.876.333	795.876.334	1.504.909.195	1.504.909.195	-
- Quá hạn 2 đến 3 năm	1.252.640.823	375.792.247	876.848.576	872.111.107	872.111.107	-
- Quá hạn trên 3 năm	2.377.020.302	-	2.377.020.302	-	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh	13.364.900.000	6.682.450.000	6.682.450.000	13.364.900.000	13.364.900.000	-
- Quá hạn dưới 6 tháng	-	-	-	13.364.900.000	13.364.900.000	-
- Quá hạn từ 1 đến 2 năm	13.364.900.000	6.682.450.000	6.682.450.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Nguyễn Quân	3.728.200.000	1.864.100.000	1.864.100.000	3.728.200.000	3.728.200.000	-
- Quá hạn dưới 6 tháng	-	-	-	3.728.200.000	3.728.200.000	-
- Quá hạn từ 1 đến 2 năm	3.728.200.000	1.864.100.000	1.864.100.000	-	-	-
Đối tượng khác (Quá hạn trên 3 năm)	60.172.968	-	60.172.968	46.144.321	-	46.144.321
Tổng cộng	22.374.686.760	9.718.218.580	12.656.468.180	20.768.905.446	20.722.761.125	46.144.321

Trong năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã tiến hành đánh giá và phân loại các khoản nợ quá hạn (nợ xấu), và đã xác định mức tổn thất cần trích lập dự phòng là từ 50% đến 100% số nợ phải thu khó đòi và đã phản ánh vào kết quả kinh doanh năm 2015 với số tiền 12,6 tỷ đồng. (Xem Thuyết minh số 19)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.245.885	89.245.885
Thuế thu nhập cá nhân	35.551.089	8.492.501
Tổng cộng	124.796.974	97.738.386

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	898.250.300	192.735.399	1.090.985.699
Tại ngày 31/12/2015	898.250.300	192.735.399	1.090.985.699
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	583.862.686	192.735.399	776.598.085
Khấu hao trong năm	89.825.031	-	89.825.031
Tại ngày 31/12/2015	673.687.717	192.735.399	866.423.116
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	314.387.614	-	314.387.614
Tại ngày 31/12/2015	224.562.583	-	224.562.583

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	51.156.920
Khác	18.353.524	32.913.834
Tổng cộng	18.353.524	84.070.754

13. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
BHXH, BHYT, BHTN	20.720.341	1.730.052
Phải trả danh mục ủy thác	-	1.009.146.622
Các khoản phải trả phải nộp khác	168.648.174	168.648.617
Tổng cộng	189.368.515	1.179.525.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CỔ PHẦN

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu thường	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu thường	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

15. DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	598.655.558	2.085.021.414
Doanh thu khác	-	71.066.104
Tổng cộng	598.655.558	2.156.087.518

16. CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.048.770.527	1.144.876.084
Chi phí khác	106.657.574	101.047.880
Tổng cộng	1.155.428.101	1.245.923.964

17. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	88.529.499	63.147.132
Lãi đầu tư chứng khoán	352.125.502	375.475.233
Thanh lý đầu tư dài hạn khác	-	3.457.926.661
Cổ tức nhận được	16.000.000	698.302.750
Tổng cộng	456.655.001	4.594.851.776

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lỗ đầu tư chứng khoán	4.713.955.868	474.670.541
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(1.551.851.130)	(918.884.760)
Thanh lý đầu tư dài hạn khác	-	1.737.641.674
Tổng cộng	3.162.104.738	1.293.427.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.470.663.910	3.444.881.602
Chi phí khấu hao TSCĐ	89.825.031	111.209.028
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	12.610.323.859	-
Chi phí khác	1.346.302.052	1.342.909.993
Tổng cộng	17.520.114.852	4.902.000.623

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(20.782.331.053)	(675.674.193)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(20.782.331.053)	(675.674.193)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.464)	(113)

21. THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	654.000.000	654.000.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản thuê hoạt động với lịch thanh toán dự kiến như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	654.000.000	654.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	490.500.000	1.144.500.000
	1.144.500.000	1.798.500.000

22. GIAO DỊCH VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan của Công ty

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cổ đông lớn, có chung thành viên ban lãnh đạo chủ chốt với Công ty
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cổ đông lớn, có chung thành viên ban lãnh đạo chủ chốt với Công ty

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	780.683.608
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	960.000.000	960.000.000

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu hoạt động nghiệp vụ		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.221.413.792	5.221.413.792
Phải trả khác		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	1.009.146.621
Phải thu khác		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	80.000.000	-

23. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.044.287.498	25.297.917.221
Tăng trong năm	159.690.388.322	874.690.718.573
Giảm trong năm	163.570.827.829	895.944.348.296
Số dư cuối năm	163.847.991	4.044.287.498

24. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		VND		VND
Cổ phiếu niêm yết		-		102.059.703.174
<i>Trong đó các cổ phiếu bị giảm giá:</i>				
PSI	-	-	7.500.000	99.851.750.000
SHS	-	-	50.700	750.360.000
TKC	-	-	2	31.091
BVS	-	-	10.000	151.302.000
GAS	-	-	2.000	167.346.500
MSN	-	-	3.300	281.996.830
PET	-	-	13.000	288.838.662
PVS	-	-	10.000	367.413.592
Cổ phiếu chưa niêm yết	20.000.000.000			27.340.000.000
<i>Trong đó các cổ phiếu bị giảm giá:</i>				
VMO	-	-	400.000	7.340.000.000
Khác	20.790.544.500			20.790.544.500
Tổng cộng	40.790.544.500			150.190.247.674

25. THÔNG TIN KHÁC

Số dư các Chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán không bao gồm số liệu của các Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư đã tắt toán tại ngày 31/12/2014 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Nhà đầu tư ủy thác và Công ty chưa ký Biên bản thanh lý hợp đồng quản lý danh mục đầu tư.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản phải trả trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.468.302.443	4.367.130.521
Đầu tư ngắn hạn	15.421.389.128	12.849.298.938
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.001.783.614	18.897.632.146
Đầu tư dài hạn	-	23.292.775.563
Cộng	41.891.475.185	59.406.837.168
	Giá trị ghi sổ 31/12/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	69.861.231	1.047.151.520
Cộng	69.861.231	1.047.151.520

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá cổ phiếu do thực hiện mua một số loại cổ phiếu nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường cổ phiếu nhằm quản lý thời điểm mua cổ phiếu và bán cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015 là 12.656.468.180 VND (tại ngày 31/12/2014 là 46.144.321 VND).

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản phải trả ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	69.861.231	-	69.861.231
Tại 01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.047.151.520	-	1.047.151.520

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.468.302.443	-	16.468.302.443
Đầu tư ngắn hạn	15.421.389.128	-	15.421.389.128
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.878.933.614	122.850.000	10.001.783.614
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.367.130.521	-	4.367.130.521
Đầu tư ngắn hạn	12.849.298.938	-	12.849.298.938
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.774.782.146	122.850.000	18.897.632.146
Đầu tư dài hạn	-	23.292.775.563	23.292.775.563

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban giám đốc Công ty đã thực hiện xem xét và đánh giá ảnh hưởng của các thay đổi trong hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty, theo đó một số số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2014	01/01/2015	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
Tài sản				
Phải thu ngắn hạn khác	135	17.161.758.847	17.229.808.178	68.049.331
Tài sản ngắn hạn khác	158	68.049.331	-	(68.049.331)
Phải thu dài hạn khác	218	-	122.850.000	122.850.000
Tài sản dài hạn khác	268	122.850.000	-	(122.850.000)
Cộng		17.352.658.178	17.352.658.178	-
Nguồn vốn				
Quỹ đầu tư phát triển	417	8.951.343.840	9.021.927.110	70.583.270
Quỹ dự phòng tài chính	418	70.583.270	-	(70.583.270)
Cộng		9.021.927.110	9.021.927.110	-

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Người lập chứng thực..... Giám đốc tài SGT/BS

Ngày: 21-06-2016

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Lại Thị Tuyết

Nguyễn Diệu Trinh

Trần Minh Hoàng

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Tố Nga